

Bản án số: 219/2022/DS-PT
Ngày: 26/8/2022
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Lê Huy;
Bà Lâm Ngọc Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 168/2022/TLPT-DS ngày 27 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 214/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Mỹ H, xã Mỹ L, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Tuyết T, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Mỹ H, xã Mỹ L, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị Diễm Tr, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Bình Chánh T, xã Tam B, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

2. Anh Nguyễn Chấn T1, sinh năm 1998 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Mỹ H, xã Mỹ L, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Lê Thị Tuyết T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

**** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:***

Trước đây, bà có cho bà T mượn tiền nhiều lần, đến ngày 08/4/2021 dương lịch hai bên kết nợ lại, bà T còn thiếu bà 400.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ghi ngày 08/4/2021 dương lịch, hạn trả ngày 08/5/2021 dương lịch, giấy mượn tiền do bà T viết, ký tên vào. Sau đó bà T có mượn thêm 10.000.000 đồng, do bà T tự ghi và ký tên vào sau tờ giấy mượn tiền. Ngoài ra trong biên nhận còn thể hiện nội dung nếu trong quá trình mượn tiền bà có gặp chuyện

không may thì bà T sẽ trả tiền cho 02 con của bà là Nguyễn Thị Diễm Tr và Nguyễn Chấn T1, chứ tiền cho mượn là của bà không liên quan gì đến hai con.

Một thời gian sau đó bà T trả 120.000.000 đồng được trừ vào 410.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 08/4/2021 dương lịch và mượn thêm 10.000.000 đồng nhưng không có làm giấy tờ (thành 420.000.000 đồng). Sau khi trả tiền bà T viết lại giấy mượn tiền mới nhưng ghi lại cùng ngày 08/4/2021 dương lịch của tờ giấy mượn tiền cũ có nội dung còn nợ 300.000.000 đồng. Gần đây bà T trả tiếp cho bà 150.000.000 đồng theo giấy nhận tiền ngày 30/10/2021 do bà T viết.

Nay bà yêu cầu bà T trả số tiền 150.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm bà T giao nộp cho Tòa án là cuộc nói chuyện với bà T trong thời gian bà T trốn nợ, nhưng không có nội dung nào thể hiện yêu cầu bà T phải trả lãi 10.000.000 đồng/03 ngày cho số tiền vay 400.000.000 đồng như bà T trình bày.

** Bị đơn bà Lê Thị Tuyết T trình bày:*

Từ tháng 8/2020 âm lịch, bà có vay tiền của bà H nhiều lần nhưng không nhớ rõ, có lần 10.000.000 đồng, có lần 20.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi 3.000.000 đồng/tháng cho số tiền vay 10.000.000 đồng. Do bà không còn khả năng trả lãi theo thỏa thuận nên hai bên chốt tiền gốc và lãi thành số tiền 400.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ghi ngày 08/4/2021 dương lịch, thời hạn trả tiền là ngày 08/5/2021 dương lịch, giấy mượn tiền do bà H viết, bà có ký tên vào. Ngoài ra, hai bên có thỏa thuận miệng với nhau là phải trả lãi mỗi 03 ngày là 10.000.000 đồng. Sau khi viết biên nhận, bà H tính thêm 10.000.000 đồng tiền lãi đến hạn, do không có tiền trả nên bà H kêu bà ghi có mượn thêm 10.000.000 đồng vào phía sau tờ biên nhận ngày 08/4/2021 dương lịch. Sau đó bà có trả được 120.000.000 đồng nhưng do bà H tính thêm 10.000.000 đồng tiền lãi thành số tiền 420.000.000 đồng – 120.000.000 đồng = 300.000.000 đồng. Bà H kêu bà tự ghi lại giấy mượn tiền mới cùng ngày 08/4/2021 dương lịch của tờ giấy mượn tiền cũ có nội dung còn nợ lại 300.000.000 đồng. Ngày 30/10/2021 bà trả tiếp 150.000.000 đồng cho bà H thì ngưng cho đến nay.

Từ lúc viết biên nhận nợ 400.000.000 đồng ngày 08/4/2021 cho đến nay, bà đã trả cho bà H 270.000.000 đồng, khi trả tiền lãi không có giấy tờ gì, chỉ có đoạn ghi âm ngày 11/4/2021 đã giao nộp cho Tòa án để chứng minh sau khi viết giấy mượn tiền 400.000.000 đồng ngày 08/4/2021 dương lịch thì bà H tính tiền lãi là cứ 03 ngày là 10.000.000 đồng thành số tiền 420.000.000 đồng.

Nay bà không đồng ý trả 150.000.000 đồng theo yêu cầu bà H vì đã trả lãi quá nhiều, tiền vốn vay chỉ có 130.000.000 đồng nhưng bà H tính lãi suất cao, bà đã trả vốn và lãi cho bà H khoảng 570.000.000 đồng. Bà trực tiếp nhận tiền vay từ bà H nên việc tranh chấp không liên quan đến các con của bà H trong biên nhận.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Diễm Tr và anh Nguyễn Chấn T1 trình bày:*

Anh, chị là con của bà Nguyễn Thị H. Anh, chị không liên quan gì đến

việc tranh chấp vay mượn tiền giữa bà H và bà T. Anh chị xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

- Buộc bà Lê Thị Tuyết T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 150.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 18/4/2022, bị đơn bà Lê Thị Tuyết T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc buộc bà trả cho bà H số tiền 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì khác; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát phân tích các chứng cứ chứng minh việc bà T thừa nhận nội dung các biên nhận nợ trong giao dịch giữa bà T và bà H, nhưng bà T không chứng minh được việc có trả lãi, cũng như việc không còn nợ bà H số tiền 150.000.000 đồng; Từ đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 14/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Tuyết T nộp trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, nên đủ điều kiện được thụ lý và xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết: Tòa án sơ thẩm xác định tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thuộc phạm vi xem xét giải quyết của Tòa án theo quy

định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Diễm Tr và Nguyễn Chấn T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt họ.

[2] Về nội dung kháng cáo: Theo đơn kháng cáo ngày 18/4/2022 và tại phiên tòa, bị đơn Lê Thị Tuyết T yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị H về yêu cầu buộc bà T trả cho bà H số tiền 150.000.000 đồng. Bà T trình bày:

- Vào khoảng tháng 9/2020 (tháng 8/2020 âm lịch) bà có vay của bà H 80.000.000 đồng, lãi suất 3%/ ngày. Đến ngày 06/02/2021 (25/12/2020 âm lịch), bà H chốt tiền vốn vay 80.000.000 và tiền lãi là 320.000.000 đồng, sau đó (không nhớ ngày tháng) bà T trả 150.000.000 đồng, còn nợ lại bà H 170.000.000 đồng.

- Tiếp theo ngày 06/02/2021 (25/12/2020 âm lịch) đến ngày 26/02/2021 (15/01/2021 âm lịch) bà T vay tiền của bà H nhiều lần là 50.000.000 đồng; Cộng với số tiền 170.000.000 đồng ở trên thành 220.000.000 đồng. Bà H yêu cầu bà T trả tiền lãi vay 3% /ngày đối với số tiền 220.000.000 đồng.

Biên nhận ngày 08/4/2021 với số tiền vay 400.000.000 đồng là do bà H ghi và bà T có ký tên vào biên nhận. Số tiền 400.000.000 đồng này là số tiền 220.000.000 đồng và tiền lãi bà H tính từ ngày 06/02/2021 đến ngày 08/4/2021 là 180.000.000 đồng, tổng cộng 220.000.000 đồng + 180.000.000 đồng thành vốn và lãi 400.000.000 đồng. Bà H còn yêu cầu bà T ghi thêm vào biên nhận ngày 08/4/2021 số tiền bà mượn 10.000.000 đồng, thực chất là tiền lãi của 03 ngày của số tiền 400.000.000 đồng, ngoài ra bà H còn tính thêm 03 ngày lãi không ghi vào biên nhận 10.000.000 đồng, nên số tiền vốn và lãi vào thời gian này là 420.000.000 đồng.

- Đến tháng 05/2021, bà T trả 120.000.000 đồng, còn nợ lại bà H 300.000.000 đồng, bà H có yêu cầu bà viết biên nhận nợ. Đến ngày 30/10/2021, bà T trả 150.000.000 đồng, còn lại số tiền là 150.000.000 đồng, đây là số tiền mà bà H khởi kiện.

Bà T xác định: Số tiền vốn vay của bà H chỉ có 130.000.000 đồng; khi đó số tiền bà T đã trả cho bà H tổng cộng là 420.000.000 đồng, nên không đồng ý trả tiếp số tiền bà H yêu cầu là 150.000.000 đồng.

Xét về các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm:

1. Giấy mượn tiền ghi ngày 08/4/2021, bà T thừa nhận có ký tên. Nội dung nêu số tiền bà T mượn của bà H là 400.000.000 đồng, ghi ngày hẹn trả nợ là ngày 08/5/2021, không ghi lãi suất cũng như số tiền nợ lãi. Tiếp theo nội dung trên, bà T ghi vào ngày 30/02/2021 có mượn thêm 10.000.000 đồng (bút lục 42), mặt khác bà T thừa nhận có nợ bà H 10.000.000 đồng không ghi vào biên nhận nên tổng số tiền nợ là 420.000.000 đồng.

Hai đương sự thống nhất với nhau về số tiền nợ 420.000.000 đồng trên, nhưng bà T khai nại rằng trong đó có tiền lãi là 290.000.000 đồng.

2. Cùng ngày 08/4/2021 bà T thừa nhận có viết và ký tên “Giấy mượn

tiền” cho bà H, nội dung ghi số tiền mượn là 300.000.000 đồng, ngày hẹn trả nợ là ngày 08/5/2021, không ghi lãi suất cũng như số tiền nợ lãi (bút lục 43).

Như vậy, phần hai đương sự khai thống nhất về số tiền bà T trả nợ cho bà H là: 120.000.000 đồng trong số tiền nợ 420.000.000 đồng nên mới phát sinh biên nhận 300.000.000 đồng. Ngày 30/10/2021 bà H có viết giấy xác nhận bà T có trả 150.000.000 đồng (bút lục 41).

Hai đương sự không thống nhất về lời khai của bà T liên quan đến tiền lãi, bà H khai toàn bộ số tiền nợ 420.000.000 đồng là tiền nợ vốn vay.

Nhận thấy: Số tiền nợ bà H yêu cầu 150.000.000 đồng là phù hợp với tài liệu chứng cứ và lời khai nhận của bà T. Đối với lời khai nại của bà T về số tiền lãi không được bà H thừa nhận, bà T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Xét về đoạn ghi âm qua văn bản trình bày ngày 28/02/2022 do bà T cung cấp (bà T khai là tự ghi âm vào ngày 11/4/2021), có nội dung không rõ ràng về số tiền vay, thời điểm vay, số tiền lãi của số tiền vay nào ... (bút lục 19, 20, 21) nên không đủ cơ sở để làm căn cứ chứng minh cho số tiền trả lãi đối với số tiền nợ vay của bà H. Từ đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 14/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện L.

[3] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bà T không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm, và chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Thị Tuyết T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 14/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Lê Thị Tuyết T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ vay 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Bà Lê Thị Tuyết T chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 7.800.000 đồng; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016080 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, nên bà T còn phải nộp tiếp 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 3.750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001596 ngày 31/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Minh Nguyệt